

MARKET INSIGHTS REPORTS

18.03.2025

CỔ PHIẾU PHÒNG THỦ LÊN NGÔI



NỘI DUNG CHÍNH

- 03 - 04** CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG
- 05** TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG
- 06** PHÂN TÍCH KỸ THUẬT
Áp lực điều chỉnh ngắn hạn xuất hiện theo phân kỳ âm trên đồ thị giờ
- 07** HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY
- 07** CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN
- 08** DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST
- 08** TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ
- 09** BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY
Cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu Việt Nam 2T/2025
Một số KCN được phê duyệt cấp phép đầu tư 2T/2025
- 10** TTCK MỸ
Dự báo các chỉ số chính sẽ giảm điểm vào phiên giao dịch tới nay.

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	544
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	160
Số cổ phiếu giảm giá	318
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	66

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	225
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	80
Số cổ phiếu giảm giá	84
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	61

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	395
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	176
Số cổ phiếu giảm giá	107
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	112

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	62,962.97	60,959.89	2,003.08
% KL toàn thị trường	6.97%	6.75%	
Giá trị	1,861,512	2,294,324	(432,812)
% GT toàn thị trường	9.45%	11.65%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	466.61	1,602.30	(1,135.69)
% KL toàn thị trường	6.97%	6.75%	
Giá trị	13,600	39,700	(26,100)
% GT toàn thị trường	1.25%	3.64%	

UPCOM

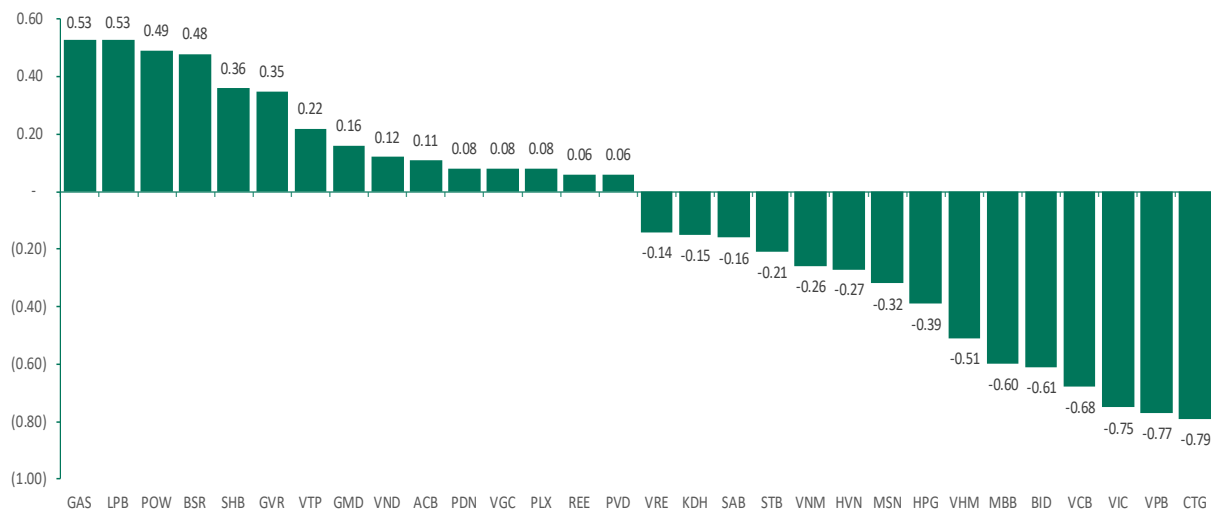
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	310.91	644.00	(333.09)
% KL toàn thị trường	0.50%	1.04%	
Giá trị	4,626	34,270	(29,644)
% GT toàn thị trường	0.68%	5.01%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	3,656,000	66,800	-500 (-0.74%)	11.04	1.88	6,053	373,351
2	BID	3,419,200	40,000	-350 (-0.87%)	9.25	1.58	4,326	280,854
3	CTG	5,406,700	42,000	-600 (-1.41%)	8.90	1.50	4,719	225,540
4	VIC	6,017,000	51,300	-800 (-1.54%)	16.79	1.28	3,055	196,154
5	VHM	12,239,500	47,300	-500 (-1.05%)	6.59	0.88	7,176	194,281
6	TCB	7,945,400	27,400	-50 (-0.18%)	6.66	1.31	4,116	193,577
7	FPT	5,508,500	130,000	0 (0%)	22.82	5.34	5,697	191,239
8	HPG	18,741,700	27,600	-250 (-0.9%)	14.15	1.54	1,951	176,537
9	GAS	2,797,200	69,100	900 (1.32%)	15.35	2.63	4,502	161,879
10	VPB	25,977,100	19,800	-400 (-1.98%)	9.96	1.07	1,988	157,092

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	-0.26%	+5.04%	1,610
▼ Tài chính	-0.60%	+7.89%	107
> Tổ chức tín dụng	-0.63%	+7.66%	29
> Dịch vụ tài chính	-0.61%	+10.22%	65
> Bảo hiểm	+0.24%	+6.89%	13
▶ Bất động sản	-0.95%	+15.97%	143
▼ Công nghiệp	-0.10%	+2.07%	391
> Vận tải	-0.17%	-0.97%	132
> Tư liệu sản xuất	+0.02%	+8.86%	214
> Dịch vụ chuyên biệt và thương mại	+0.39%	+15.80%	45
> Nguyên vật liệu	-0.12%	+8.80%	262
▼ Tiêu dùng thiết yếu	-0.72%	-4.33%	165
> Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.73%	-4.25%	158
> Đồ gia dụng và cá nhân	-0.11%	+0.07%	6
▶ Tiện ích	+1.12%	+3.20%	149
▼ Tiêu dùng không thiết yếu	-0.21%	+6.22%	261
> Phân phối và bán lẻ hàng lâu bền	-0.14%	+3.15%	124
> Hàng tiêu dùng và trang trí	-0.39%	+16.29%	93
> Dịch vụ tiêu dùng	-0.33%	-2.86%	32
> Xe và linh kiện	-0.17%	-0.08%	12
▼ Viễn thông	+1.79%	-13.36%	48
> Viễn thông	+1.91%	-13.92%	22
> Truyền thông giải trí	-0.33%	-0.71%	26
▼ Công nghệ thông tin	+0.07%	-14.65%	14
> Phần mềm	+0.07%	-14.69%	7
> Phần cứng	+0.55%	-1.67%	5
> Bán dẫn	0%	-3.96%	2
▶ Năng lượng	+2.41%	-7.24%	21
▼ Chăm sóc sức khỏe	-0.02%	+0.85%	49
> Dược phẩm - sinh học	-0.06%	+0.86%	44
> Chăm sóc sức khỏe	+0.55%	+0.94%	5

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm 5.29 (- 0.40%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Năng lượng, viễn thông, tiện ích, chăm sóc sức khỏe, dịch vụ chuyên biệt và thương mại, bảo hiểm, phần mềm, tư liệu sản xuất...là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như PVS, PVC, PVB, PVD, BSR, VGI, SGT, GAS, GEG, POW, TNH, VEF, TV2, BVH, MIG, CMG, PC1, BCG, CII, C4G ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) BSR tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Phân kỳ dương với mô hình hai đáy hình thành trên đồ thị tuần – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Kháng cự hiện tại là 21 – Cấu trúc tăng giá hiện tại thiếu thông tin hỗ trợ đà tăng;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 59%;

(ii) POW tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá và RSI(14) đều thiết lập mốc cao mới – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Dải băng trên mở ra hỗ trợ đà tăng của giá – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Thị trường đẩy giá POW nhờ thông tin POW sẽ được giao làm nhà máy điện hạt nhân nhưng chúng tôi cho rằng đây là dự án dài hạn và nếu có sớm vận hành cũng phải sau 2030. Thực tế khả thi nhất trong năm 2025 và 2026 là việc vận hành hai nhà máy điện khí Nhơn Trạch 3 và 4. **Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 đã đốt lửa lần đầu vào cuối tháng 12/2024 và dự kiến bàn giao cho chủ đầu tư vào tháng 6/2025. Tiến độ đốt lửa lần đầu của Nhà máy Nhơn Trạch 4 là tháng 4/2025 và bàn giao trong tháng 9/2025 và sẽ đóng góp doanh thu và lợi nhuận trong năm 2026;**
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 56%;

(iii) GAS tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá đã có Break out kháng cự MA(200) – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Về cơ bản GAS đã kết thúc 5 sóng giảm và hình thành chuỗi tăng giá mới;
- ✓ NĐT có thể mua vào cổ phiếu khi giá giảm kiểm tra lại hỗ trợ 68;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 51%;

(iv) TV2 tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Opening Marubozu”;

- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá vận động theo kênh tăng giá có độ dốc thoải hình thành từ đáy 24/10/2024 tới nay;
- ✓ Việc các dự án điện mới lần lượt được triển khai theo quy hoạch điện VIII sẽ cải thiện dần doanh thu và lợi nhuận của TV2 trong trung hạn với các nghiên cứu FS;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 62%;

(2) Bất động sản, thực phẩm đồ uống và thuốc lá, tổ chức tín dụng, dịch vụ tài chính, hàng tiêu dùng và trang trí, dịch vụ tiêu dùng ...là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu VIC, VRE, VHM, KDH, NVL, KBC, NLG, TCH, DXG, MCH, MSN, VNM, SAB, VCB, CTG, VPB, MBB, STB, TCB, SSI, VCI, VND, HCM, VIX, BSI, FTS, GEE, GEX, STK, VNG, NVT ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VIC giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm - Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đã đạt mục tiêu sóng 3 và vào vùng quá mua. Giá đang hình thành sóng 4 giảm giá với hỗ trợ quanh vùng giá 48 -50;
- ✓ Việc VEF bán một phần diện tích Vinhomes Cổ Loa sẽ giúp VIC có ghi nhận lợi nhuận tăng trưởng trong năm 2025;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 59%;

(ii) MSN giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Closing Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng - Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ MSN đã không thể chinh phục kháng cự MA(200) sau lần thử thách thứ 2 kể từ tháng 10/2024 – Tín hiệu tiêu cực cần thận trọng ngắn hạn;
- ✓ Hỗ trợ khi giá giảm là vùng giá 68;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 62%;

(iii) CTG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng - Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu hoàn tất mô hình 5 sóng tăng giá chuyển sang mô hình sóng giảm ABC hoặc 12345;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 58%;

(iv) GEX giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm - Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Mô hình Rollover với RSI(14) thiết lập đáy mới – Tín hiệu tạo đỉnh ngắn hạn;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 55%;

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Dark Cloud Cover”. Khối lượng giao dịch giảm và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá giảm khối lượng giao dịch giảm không phải là mô hình giảm giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu không quá tiêu cực.

Các điểm cần lưu ý:

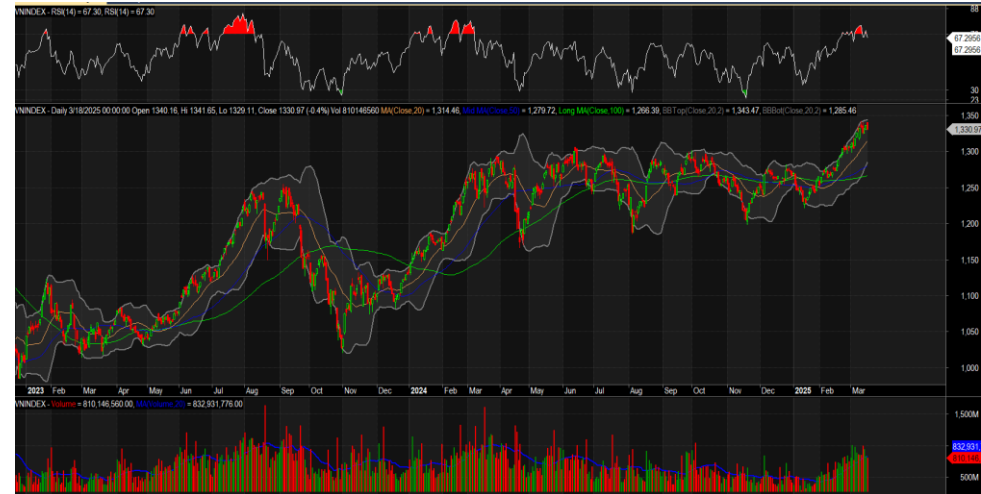
(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 486 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: SHB, VCI, VPI, NAB, VIC, VCB, PDR, GAS, POW, MWG... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: FPT, SSI, SAB, HPG, CTG, HSG, CTR, FUEVFN, STB, MSN... FPT vẫn là tâm điểm bán ròng của của khối ngoại khi chiếm tới 70% lượng bán ròng trong ngày hôm nay. Việc khối ngoại bán ròng FPT không phải là điều quá bất ngờ bởi đã tăng đột biến trong năm 2024 của cổ phiếu này đang đẩy định giá cổ phiếu này quá cao vượt xa mức trung bình lịch sử. Về cơ bản đây có lẽ là hành động chốt lời của khối ngoại.

(ii) Chỉ số đã không thể tăng điểm khi nhóm vốn hóa lớn bắt đầu chững lại và có dấu hiệu điều chỉnh. Trong ngắn hạn, chúng tôi thấy phân kỳ âm trên đồ thị giờ của VN-Index và nhóm cổ phiếu ngân hàng, chứng khoán, họ VINCOM dẫn dắt giai đoạn tăng giá vừa qua và điều này tạo áp lực giảm điểm dù thị trường đã xoay tua sang nhóm cổ phiếu chưa tăng giá hay điều chỉnh giảm giai đoạn qua như LPB, GAS, POW... Ít nhất dấu hiệu này cho thấy việc tái tích lũy trước khu vực kháng cự mạnh 1,350 điểm có thể kéo dài theo đơn vị tuần.

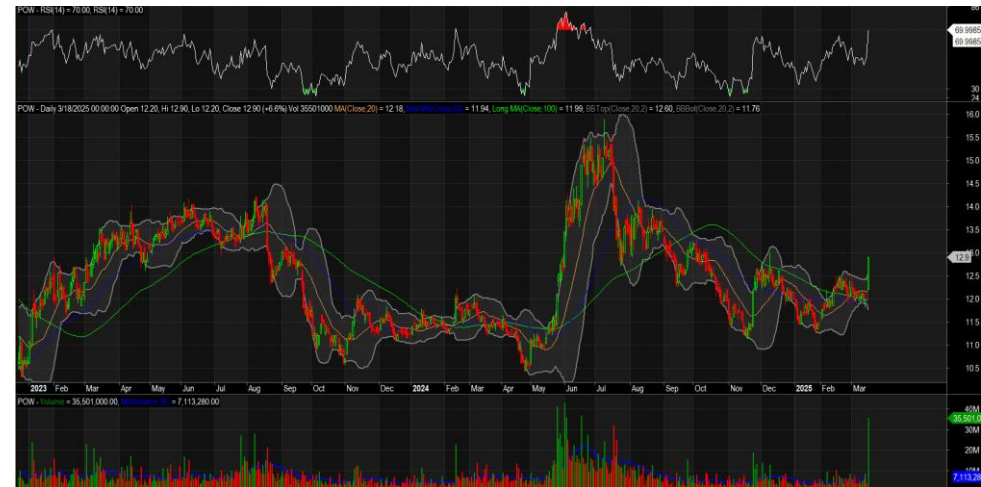
Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 04 mã cho tín hiệu mua, 09 mã cho tín hiệu bán, 17 mã cho tín hiệu đi ngang. VPB, GVR, SHB, GAS ...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 54% và 45.54% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch sẽ giảm điểm với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 4 tuy nhiên chúng tôi cho rằng việc xây dựng danh mục tái cơ cấu quan trọng hơn điểm số. Hỗ trợ là 1,300 điểm và kháng cự là 1,350 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu POW



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	500.42	501.42	499.43	NO	502.5	506.55	508.63	512.68	496.37	494.29	490.24	488.16
HNXINDEX	248.1	248.63	247.56	NO	249.31	251.6	252.81	255.1	245.81	244.6	242.31	241.1
UPINDEX	100.68	100.87	100.48	NO	101.36	102.44	103.12	104.2	99.6	98.92	97.84	97.16
VN30	1391.95	1393.61	1390.3	NO	1397.07	1405.49	1410.61	1419.03	1383.53	1378.41	1369.99	1364.87
VNINDEX	1333.91	1335.38	1332.44	NO	1338.71	1346.45	1351.25	1358.99	1326.17	1321.37	1313.63	1308.83
VNXALL	2200.02	2203.03	2197	NO	2206.04	2218.1	2224.12	2236.18	2187.96	2181.94	2169.88	2163.86
VN30F1M	1389.47	1390.45	1388.48	YES	1393.33	1399.17	1403.03	1408.87	1383.63	1379.77	1373.93	1370.07
VN30F1Q	1387.1	1387.9	1386.3	YES	1391.2	1396.9	1401	1406.7	1381.4	1377.3	1371.6	1367.5
VN30F2M	1389.73	1392	1387.47	NO	1394.27	1403.33	1407.87	1416.93	1380.67	1376.13	1367.07	1362.53
VN30F2Q	1385	1386.5	1383.5	NO	1388	1394	1397	1403	1379	1376	1370	1367
ACB	26.37	26.4	26.33	NO	26.48	26.67	26.78	26.97	26.18	26.07	25.88	25.77
BCM	81.67	81.6	81.73	YES	82.53	83.27	84.13	84.87	80.93	80.07	79.33	78.47
BID	40.2	40.3	40.1	NO	40.4	40.8	41	41.4	39.8	39.6	39.2	39
BVH	53.23	53.2	53.27	YES	53.57	53.83	54.17	54.43	52.97	52.63	52.37	52.03
CTG	42.28	42.43	42.14	NO	42.62	43.23	43.57	44.18	41.67	41.33	40.72	40.38
FPT	130.73	131.1	130.37	NO	131.47	132.93	133.67	135.13	129.27	128.53	127.07	126.33
GAS	69.03	69	69.07	YES	69.97	70.83	71.77	72.63	68.17	67.23	66.37	65.43
GVR	33.37	33.35	33.38	YES	33.78	34.17	34.58	34.97	32.98	32.57	32.18	31.77
HDB	23.32	23.35	23.28	NO	23.43	23.62	23.73	23.92	23.13	23.02	22.83	22.72
HPG	27.75	27.83	27.67	NO	27.9	28.2	28.35	28.65	27.45	27.3	27	26.85
LPB	35.22	35.13	35.31	NO	36.03	36.67	37.48	38.12	34.58	33.77	33.13	32.32
MBB	24.07	24.15	23.98	NO	24.23	24.57	24.73	25.07	23.73	23.57	23.23	23.07
MSN	70.17	70.45	69.88	NO	70.73	71.87	72.43	73.57	69.03	68.47	67.33	66.77
MWG	61.9	61.95	61.85	YES	62.4	63	63.5	64.1	61.3	60.8	60.2	59.7
PLX	41.7	41.7	41.7	YES	41.95	42.2	42.45	42.7	41.45	41.2	40.95	40.7
SAB	51.37	51.5	51.23	NO	51.63	52.17	52.43	52.97	50.83	50.57	50.03	49.77
SHB	11.47	11.4	11.53	NO	11.83	12.07	12.43	12.67	11.23	10.87	10.63	10.27
SSB	19.72	19.73	19.71	YES	19.83	19.97	20.08	20.22	19.58	19.47	19.33	19.22
SSI	27.02	27.13	26.91	NO	27.23	27.67	27.88	28.32	26.58	26.37	25.93	25.72
STB	38.63	38.75	38.52	NO	38.87	39.33	39.57	40.03	38.17	37.93	37.47	37.23
TCB	27.43	27.45	27.42	YES	27.57	27.73	27.87	28.03	27.27	27.13	26.97	26.83
TPB	16.28	16.3	16.27	NO	16.37	16.48	16.57	16.68	16.17	16.08	15.97	15.88
VCB	67.13	67.3	66.97	NO	67.47	68.13	68.47	69.13	66.47	66.13	65.47	65.13
VHM	47.62	47.78	47.46	NO	48.43	49.57	50.38	51.52	46.48	45.67	44.53	43.72
VIB	20.48	20.53	20.44	NO	20.62	20.83	20.97	21.18	20.27	20.13	19.92	19.78
VIC	51.7	51.9	51.5	NO	52.3	53.3	53.9	54.9	50.7	50.1	49.1	48.5
VJC	98.43	98.45	98.42	YES	99.37	100.33	101.27	102.23	97.47	96.53	95.57	94.63
VNM	62.7	62.8	62.6	NO	62.9	63.3	63.5	63.9	62.3	62.1	61.7	61.5
VPB	19.97	20.05	19.88	NO	20.13	20.47	20.63	20.97	19.63	19.47	19.13	18.97
VRE	18.55	18.6	18.5	NO	18.7	18.95	19.1	19.35	18.3	18.15	17.9	17.75

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
POW	35,501,000	5,127,060	692	6.61
ABB	20,718,600	4,042,970	512	2.38
CII	19,565,700	8,479,560	231	0.7
GAS	2,797,200	1,026,740	272.44	1.32
PVC	1,820,100	546,950	333	1.83
SIP	1,339,300	633,600	211	-1.98
FIT	1,279,100	630,480	202.88	0.48
FIR	1,003,000	355,510	282	6.87
TSC	680,000	245,520	277	2.32
SGP	610,400	261,950	233.02	-7.12
L14	565,000	256,600	220	2.34
PFL	463,800	81,450	569	4
MDC	459,800	48,330	951	9.66
NBC	442,300	174,930	253	-3.33
THD	426,900	200,440	212.98	1.57
MGC	380,700	96,280	395	0.86
CNG	356,500	148,040	241	1.62
KHP	351,500	107,980	326	5.07
ITS	335,000	40,920	819	14.04
HHG	323,000	151,060	213.82	6.25
TYA	301,200	13,570	2,220	2.65
PGN	242,900	34,290	708	-2.99
SDD	208,300	57,750	361	6.25
S55	207,800	-	1.#J	-9.99
TID	200,700	26,300	763.12	3.57
TDT	193,800	31,990	606	0
THT	173,900	37,280	466	0.81
PXI	152,300	63,120	241	0
MVB	146,300	41,640	351	-0.36
C32	130,100	15,630	832	0
DTA	124,000	61,120	203	6.97
SGN	119,800	46,530	257	-2.26
BDT	108,500	48,020	226	-3.8
SVD	100,800	27,540	366	1.52
SMT	91,000	23,650	385	8.7
CAP	89,600	33,700	266	0
VOC	84,900	14,270	595	-1.09
BQB	72,400	17,280	419	13.95
HAN	72,100	3,740	1,928	10.68
HIG	72,000	11,400	632	14.81

- Lưu ý: POW, ABB...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
17-Mar	HDC	Mua	≤ 29.5	10% -20%	Buy Kumo Break Out
17-Mar	HHS	Mua	≤ 9.5	10% -20%	Buy Kumo Break Out

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 17/03, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.794 VND/USD, tăng 15 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 23.605 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn; tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.983 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 25.530 VND/USD, tăng 20 đồng so với phiên 14/03. Tỷ giá trên thị trường tự do giữ nguyên ở chiều mua vào trong khi giảm 40 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 25.740 VND/USD và 25.800 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 17/03, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,06 - 0,09 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, cụ thể: ON 4,24%; 1W 4,34%; 2W 4,46% và 1M 4,54%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 – 0,05 đpt ở tất cả các kỳ hạn, giao dịch tại: ON 4,29%; 1W 4,35%; 2W 4,41%, 1M 4,45%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp đi ngang ở kỳ hạn 3Y trong khi giảm ở các kỳ hạn còn lại, chốt phiên với mức: 3Y 2,16%; 5Y 2,32%; 7Y 2,66%; 10Y 2,96%; 15Y 3,15%.
- Nghị quyết thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 20.000 tỷ đồng kỳ hạn 7 ngày, 10.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 35 ngày và 5.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 91 ngày, lãi suất đều ở mức 4,0%. Có 19.720,63 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 7 ngày, không có khối lượng trúng thầu ở hai kỳ hạn còn lại; có 31.202,96 tỷ đồng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN; không có khối lượng đáo hạn. Như vậy, NHNN hút ròng 11.482,33 tỷ đồng từ thị trường thông qua nghiệp vụ thị trường mở phiên hôm qua. Có 74.776,44 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố; không có tín phiếu lưu hành trên thị trường.

Cách thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu Việt Nam 2T/2025

Nhóm hàng	Mặt hàng	Giá trị xuất khẩu 2T-2025			Giá trị XK sang Hoa Kỳ 2T-2025		Giá trị XK sang Trung Quốc 2T-2025		Giá trị nhập khẩu 2T-2025	
		Tỷ USD	%YoY	% Tỷ trọng	%YoY	%XK sang US/ Tổng XK	%YoY	%XK sang TQ/ Tổng XK	Tỷ USD	%YoY
	(Đvt)									
	TỔNG CỘNG	64.27	8.4%	100.0%	16.5%	30.4%	-2.1%	12.3%	62.80	15.9%
NHÓM ĐIỆN TỬ - ĐIỆN THOẠI - MÁY MÓC - LINH KIỆN	Điện tử & Máy tính	12.54	25.3%	19.5%	33.7%	34.5%	28.7%	16.9%	20.15	28.9%
	Điện thoại & linh kiện	9.21	-3.1%	14.3%	-15.4%	21.2%	-0.8%	15.8%	1.68	13.8%
	Máy móc, thiết bị	7.69	10.3%	12.0%	22.6%	42.9%	7.3%	6.1%	7.79	18.5%
	PT vận tải & phụ tùng	2.47	7.6%	3.8%	-7.1%	18.5%	-25.5%	2.3%	1.58	29.2%
	Camera và linh kiện	1.11	-23.2%	1.7%	30.1%	16.1%	-34.8%	54.9%	0.35	-6.5%
	Dây điện và dây cáp điện	0.60	22.9%	0.9%	65.1%	32.6%	-9.4%	19.1%	0.62	36.4%
NHÓM HÀNG DỆT MAY & DA GIẤY	Hàng may mặc & vải	5.63	9.3%	8.8%	12.5%	43.6%	9.8%	3.6%	N/A	N/A
	Giày dép	3.47	10.3%	5.4%	16.1%	37.3%	-9.2%	8.3%	N/A	N/A
	Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	0.62	7.3%	1.0%	10.8%	41.9%	5.3%	2.8%	N/A	N/A
	Xơ, sợi dệt	0.65	-2.8%	1.0%	3.9%	4.9%	-14.4%	43.5%	0.41	14.8%
	Nguyên phụ liệu	0.35	12.9%	0.5%	50.2%	8.1%	11.1%	8.9%	1.02	8.2%
	Vải mảnh, vải kỹ thuật khác	0.12	-3.9%	0.2%	-13.9%	25.2%	-28.4%	2.2%	N/A	N/A
NHÓM HÀNG GỖ & NÔNG THỦY SẢN	Gỗ và sản phẩm gỗ	2.45	9.4%	3.8%	9.5%	53.1%	-15.2%	10.6%	0.41	18.6%
	Cà phê	1.72	37.2%	2.7%	53.1%	7.0%	7.4%	1.8%	N/A	N/A
	Thủy sản	1.43	19.0%	2.2%	14.5%	15.1%	75.9%	21.7%	0.49	22.0%
	Rau quả	0.69	-15.6%	1.1%	65.5%	9.6%	-38.9%	44.5%	0.41	20.4%
	Gạo	0.67	-4.9%	1.0%	43.3%	0.8%	222.4%	5.3%	N/A	N/A
	Cao su	0.52	22.8%	0.8%	16.9%	1.5%	21.9%	73.7%	0.53	33.4%
	Hạt điều	0.46	-7.4%	0.7%	-14.5%	22.7%	-50.0%	9.8%	0.42	53.3%
	Sắn & sản phẩm từ sắn	0.23	-19.0%	0.4%	N/A	N/A	-17.6%	94.0%	N/A	N/A
	Hạt tiêu	0.18	48.5%	0.3%	23.0%	24.4%	N/A	N/A	N/A	N/A
	Chè	0.03	-2.6%	0.0%	-26.1%	4.2%	26.2%	5.7%	N/A	N/A
NHÓM VLXD & NHIÊN LIỆU	Sắt thép	1.14	-26.4%	1.8%	-46.4%	11.7%	156.1%	0.2%	1.73	-7.9%
	Sản phẩm từ sắt thép	0.84	32.1%	1.3%	23.1%	25.0%	31.0%	1.3%	1.01	18.4%
	Kim loại thường & sản phẩm	0.68	9.8%	1.1%	11.6%	20.8%	-19.3%	5.4%	N/A	N/A
	Clinker & xi măng	0.19	-3.0%	0.3%	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
	Chất dẻo nguyên liệu	0.36	-24.7%	0.6%	N/A	N/A	-47.5%	9.0%	1.93	24.7%
	Sản phẩm từ chất dẻo	1.08	18.6%	1.7%	28.9%	47.5%	-1.1%	2.4%	1.37	11.9%
	Dầu thô	0.25	-25.2%	0.4%	N/A	N/A	N/A	N/A	1.46	5.9%
	Xăng dầu	0.15	-60.7%	0.2%	N/A	N/A	-29.9%	19.3%	1.11	-8.0%
	Phân bón	0.13	-7.3%	0.2%	N/A	N/A	N/A	N/A	0.29	24.0%

Một số KCN được phê duyệt cấp phép đầu tư 2T/2025

Khu công nghiệp	Diện tích	Vốn đầu tư - Chủ đầu tư
KCN Đồng Phúc (Bắc Giang)	355 ha	3,732 tỷ đồng CTCP Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Phúc - thành viên thuộc Tập đoàn Hòa Phát
KCN Mỹ Thái (Bắc Giang)	160 ha	1,798 tỷ đồng CTCP Thép Việt Úc
KCN Minh Hưng III - GD 2 (phần kỳ 1) (Bình Phước)	483.4 ha	2,282 tỷ đồng CTCP KCN Cao su Bình Long
KCN Vạn Thương (BRVT)	387 ha	4,390 tỷ đồng Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng KCN Vạn Thương
KCN Long Đức (GD2) (Đồng Nai)	293.9 ha	CTCP Đầu tư VRG Long Đức
KCN Trảng Dục 3 (Hải Phòng)	653 ha	8,000 tỷ đồng CTCP Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng (Công ty con của Tập đoàn Kinh Bắc)
KCN Kim Thành 2 (GD1) (Hải Dương)	234.6 ha	3,403 tỷ đồng CTCP Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Hưng Yên (Công ty con của Tập đoàn Kinh Bắc)
KCN Nam Trảng Cát (Hải Phòng)	200 ha	2,252 tỷ đồng CTCP Đầu tư Khu công nghiệp Vinhomes
KCN Vĩnh Quang (GD 1) (Hải Phòng)	226 ha	3,550 tỷ đồng Công ty con của Tổng Công ty IDICO
KCN Yên Bình 3 (Thái Nguyên)	295.3 ha	4,139 tỷ đồng CTCP Tập đoàn BMK
KCN Song Mai - Nghĩa Trung (Bắc Giang)	197.1 ha	2,806 tỷ đồng CTCP Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Hà Nội - Bắc Giang
KCN Bắc Đồng Phú GD2 (Bình Phước)	317 ha	1,360 tỷ đồng CTCP KCN Bắc Đồng Phú

Khi thị trường khó người ta đổ về phía ông Cọ Warren Buffett



Nhóm 7 cổ phiếu vốn hóa lớn nhất vẫn đang vận động theo một tam giác củng cố giảm giá – Mẫu hình tiêu cực



MSTR đang có mô hình Bullish Falling Wedge – Công ty tiếp tục kế hoạch phát hành 21 tỷ đô cổ phiếu để mua BTC



S&P 500 vận động giống giai đoạn cú sốc Yên Nhật ?



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ giảm điểm vào phiên giao dịch tối nay.

(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>

 Tổng đài: 1900 1811

 trungtamcskh@aas.com.vn

Mở tài khoản ngay

